

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020  
(đã được soát xét)



## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06-30
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11-30
Phụ lục 01: Thông tin về các khoản vay ngắn hạn	31-32
Phụ lục 02: Thông tin về các khoản vay dài hạn	33

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Danh Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm là Chủ tịch từ ngày 25/05/2020
Ông Trần Tuấn	Ủy viên	Miễn nhiệm Chủ tịch từ ngày 25/05/2020
Ông Phạm Thế Dũng	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông Phan Đình Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thế Dũng	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Đỗ Thủy Hương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Xuân Lâm	Thành viên
Ông Bùi Văn Lùng	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

---

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Trần Tuấn**

Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 08 năm 2020

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được lập ngày 03 tháng 08 năm 2020, từ trang 06 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 30/06/2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 355,53 tỷ đồng, lỗ lũy kế 235,21 tỷ đồng tương ứng 46,3% vốn góp của chủ sở hữu. Sự kiện này cùng với các vấn đề được nêu ở thuyết minh số 01 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 vẫn được trình bày dựa trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục do các nguyên nhân được Công ty trình bày tại thuyết minh số 01, cụ thể:

1. Công ty hiện đang có khách hàng truyền thống mua hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Đây cũng là bên cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty với thời gian thanh toán phù hợp để giảm áp lực về nhu cầu vốn lưu động mua nguyên vật liệu.
2. Việc được hỗ trợ nguồn đầu vào và bao tiêu nguồn đầu ra kể trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây đều có lãi, khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 256,71 tỷ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 xuống còn 235,21 tỷ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận soát xét chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Vũ Xuân Biền**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

*Hà Nội, ngày 03 tháng 08 năm 2020*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>341.698.173.067</b>	<b>373.133.096.567</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.117.487.393	216.282.876
111	1. Tiền		2.117.487.393	216.282.876
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		288.902.486.889	325.289.719.361
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	286.259.817.953	324.264.159.433
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	2.431.722.052	876.424.800
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	385.227.837	323.416.081
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(174.280.953)	(174.280.953)
140	IV. Hàng tồn kho	8	46.803.035.812	44.629.809.402
141	1. Hàng tồn kho		46.803.035.812	44.629.809.402
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.875.162.973	2.997.284.928
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	3.875.162.973	2.997.284.928
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>931.547.896.575</b>	<b>969.852.389.738</b>
220	II. Tài sản cố định		906.076.052.218	938.277.387.866
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	905.991.155.478	938.179.430.092
222	- Nguyên giá		1.255.229.383.036	1.255.161.383.036
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(349.238.227.558)	(316.981.952.944)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	84.896.740	97.957.774
228	- Nguyên giá		246.000.000	246.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(161.103.260)	(148.042.226)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		25.471.844.357	31.575.001.872
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	25.471.844.357	31.575.001.872
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.273.246.069.642</b>	<b>1.342.985.486.305</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>1.000.453.698.224</b>	<b>1.091.691.651.255</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>697.230.411.167</b>	<b>753.468.364.198</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	398.365.023.116	426.178.893.979
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.254.566.576	2.700.930.631
314	3. Phải trả người lao động		5.907.708.053	5.295.129.083
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.298.989.168	1.289.387.276
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	15.818.150.815	43.433.598.839
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	270.582.093.439	274.570.424.390
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.880.000	-
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>303.223.287.057</b>	<b>338.223.287.057</b>
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	303.223.287.057	338.223.287.057
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>272.792.371.418</b>	<b>251.293.835.050</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	17	<b>272.792.371.418</b>	<b>251.293.835.050</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		508.000.001.467	508.000.001.467
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		508.000.001.467	508.000.001.467
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(235.207.630.049)	(256.706.166.417)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(256.706.166.417)	(271.458.231.417)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		21.498.536.368	14.752.065.000
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.273.246.069.642</b>	<b>1.342.985.486.305</b>

LPR

17/06/2020

Nguyễn Thị Huệ  
Người lậpNguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởngTrần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 08 năm 2020



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	
			2020 VND	2019 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	2.249.400.481.714	1.992.269.314.140
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.249.400.481.714	1.992.269.314.140
11	4. Giá vốn hàng bán	20	2.193.953.484.707	1.953.561.394.627
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		55.446.997.007	38.707.919.513
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.915.876	3.506.494
22	7. Chi phí tài chính	22	29.496.106.274	31.820.030.606
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		29.391.504.606	31.547.151.878
25	8. Chi phí bán hàng	23	144.721.751	168.609.373
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	5.912.164.042	5.284.949.843
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19.897.920.816	1.437.836.185
31	11. Thu nhập khác	25	1.787.989.406	1.543.140.642
32	12. Chi phí khác	26	187.373.854	299.403.238
40	13. Lợi nhuận khác		1.600.615.552	1.243.737.404
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21.498.536.368	2.681.573.589
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>21.498.536.368</u>	<u>2.681.573.589</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	423	53

*LR*



Nguyễn Thị Huệ  
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng

Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 08 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		21.498.536.368	2.681.573.589
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		32.269.335.648	25.864.729.199
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	90.413
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(3.915.876)	(3.490.354)
06	- Chi phí lãi vay		29.391.504.606	31.547.151.878
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	945.000.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		83.155.460.746	61.035.054.725
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		36.387.232.472	630.876.281.909
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(2.173.226.410)	(89.593.292.704)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(24.546.352.425)	(522.782.205.287)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		5.225.279.470	1.807.625.563
14	- Tiền lãi vay đã trả		(57.098.654.261)	(53.935.492.276)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.880.000	830.000
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		40.953.619.592	27.408.801.930
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(68.000.000)	-
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.915.876	3.490.354
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(64.084.124)	3.490.354
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		321.739.772.520	470.856.994.583
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(360.728.103.471)	(499.477.987.786)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(38.988.330.951)	(28.620.993.203)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2020	2019
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.901.204.517	(1.208.700.919)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		216.282.876	2.136.149.014
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	(90.413)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>2.117.487.393</u>	<u>927.357.682</u>

*UFR*

*Nguyễn Thị Minh Châu*



Nguyễn Thị Huệ  
Người lập

Nguyễn Thị Minh Châu  
Kế toán trưởng

Trần Tuấn  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 08 năm 2020

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 4600451322 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 29 tháng 08 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 15 tháng 04 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 508.000.001.467 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 508.000.001.467 đồng; tương đương 50.800.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất sắt, thép, gang (sản xuất thép).

#### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tại thời điểm 30/06/2020, nợ ngắn hạn của Công ty vượt quá tài sản ngắn hạn 355,53 tỷ đồng, lỗ lũy kế 235,21 tỷ đồng. Tuy nhiên, Công ty hiện đang có khách hàng truyền thống mua hàng với khối lượng lớn là Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên. Đây cũng là bên cung cấp nguyên liệu chính cho Công ty với thời gian thanh toán phù hợp để giảm áp lực về nhu cầu vốn lưu động mua nguyên vật liệu.

Việc được hỗ trợ nguồn đầu vào và bao tiêu nguồn đầu ra kể trên đã làm cho kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty những năm gần đây đều có lãi, khoản lỗ lũy kế đã giảm từ 256,71 tỷ tại ngày 31/12/2019 xuống còn 235,21 tỷ tại ngày 30/06/2020. Chính vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ này 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là hoàn toàn phù hợp.

Bắt đầu từ cuối quý I năm 2020, nhu cầu sử dụng thép của thị trường đặc biệt là thép dân dụng ở mức cao, điều này dẫn tới sản lượng thép tiêu thụ trong 06 tháng đầu năm 2020 tăng mạnh so với 06 tháng đầu năm 2019. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng từ thị trường thế giới, giá nhiên liệu đầu vào giảm mạnh kết hợp với giá điện sản xuất giảm theo chính sách hỗ trợ của Chính phủ đối với các doanh nghiệp, căn cứ trên ảnh hưởng của tình hình dịch bệnh vừa qua. Chính vì vậy, kết quả kinh doanh 06 tháng đầu năm 2020 của Công ty đã có sự tăng trưởng vượt bậc so với cùng kỳ năm trước.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

## 2.3 . Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

## 2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

## 2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Đối với máy móc thiết bị trực tiếp liên quan đến sản xuất sản phẩm: Công ty áp dụng phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm kể từ ngày 01/01/2015 căn cứ vào công văn số 19139/BTC-TCDN ngày 23 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính về phương pháp khấu hao của Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05 năm

## **2.9 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

## **2.10 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.11 . Các khoản vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

## **2.12 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

## **2.13 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.14 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**2.15 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.16 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**2.17 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí đi vay vốn, lãi chậm thanh toán ...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

### 2.18 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

#### b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

### 2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

### 2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.21 . Thông tin bộ phận

Trong kỳ, Công ty chỉ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thép, diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

### 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	112.762.657	170.147.917
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.004.724.736	46.134.959
	<u>2.117.487.393</u>	<u>216.282.876</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	286.085.537.000	-	324.089.878.480	-
Phải thu khách hàng khác	174.280.953	(174.280.953)	174.280.953	(174.280.953)
	<b>286.259.817.953</b>	<b>(174.280.953)</b>	<b>324.264.159.433</b>	<b>(174.280.953)</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<b>286.085.537.000</b>	<b>-</b>	<b>324.089.878.480</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)

**5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH SAIGON TRUST	1.087.680.000	-	-	-
Công ty TNHH An Bảo Nguyên	858.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Hải Bình	445.117.252	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Sản xuất Bắc Việt	-	-	700.000.000	-
Các đối tượng khác	40.924.800	-	176.424.800	-
	<b>2.431.722.052</b>	<b>-</b>	<b>876.424.800</b>	<b>-</b>

**6 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu người lao động	324.904.796	-	159.791.767	-
Tạm ứng	-	-	41.020.000	-
Ký cược, ký quỹ	60.000.000	-	60.000.000	-
Phải thu khác	323.041	-	62.604.314	-
	<b>385.227.837</b>	<b>-</b>	<b>323.416.081</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**7 . NỢ XẤU**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Sản xuất thép kết cấu và Xây dựng Thành Trung	136.505.633	-	136.505.633	-
- Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Việt Thắng	37.775.320	-	37.775.320	-
	<b>174.280.953</b>	<b>-</b>	<b>174.280.953</b>	<b>-</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	21.932.516.213	-	44.016.330.026	-
Công cụ, dụng cụ	724.312.887	-	613.479.376	-
Thành phẩm	24.146.206.712	-	-	-
	<b>46.803.035.812</b>	<b>-</b>	<b>44.629.809.402</b>	<b>-</b>

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 30/06/2020 lần lượt là 246.000.000 đồng và 161.103.260 đồng. Khấu hao trong kỳ là 13.061.034 đồng.

**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa thường xuyên và công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.617.125.885	2.503.680.453
Chi phí mua bảo hiểm	91.814.937	493.604.475
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	166.222.151	-
	<b>3.875.162.973</b>	<b>2.997.284.928</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Phụ tùng thay thế, vật tư sửa chữa thường xuyên xuất dùng	6.063.816.908	8.398.747.378
Vật liệu phụ phục vụ sản xuất (*)	19.380.704.949	23.152.254.494
Chi phí trả trước dài hạn khác	27.322.500	24.000.000
	<b>25.471.844.357</b>	<b>31.575.001.872</b>

(\*) Vật liệu phụ phục vụ sản xuất là các phụ kiện phục vụ cán thép như trục cán, con lăn, lưỡi dao cắt ... có thời gian phân bổ trên 12 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	164.411.326.048	893.293.919.719	197.305.440.949	150.696.320	1.255.161.383.036
- Mua trong kỳ	-	68.000.000	-	-	68.000.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>164.411.326.048</b>	<b>893.361.919.719</b>	<b>197.305.440.949</b>	<b>150.696.320</b>	<b>1.255.229.383.036</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	37.948.763.403	245.344.009.268	33.538.483.953	150.696.320	316.981.952.944
- Khấu hao trong kỳ	3.525.618.420	23.468.081.671	5.262.574.523	-	32.256.274.614
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>41.474.381.823</b>	<b>268.812.090.939</b>	<b>38.801.058.476</b>	<b>150.696.320</b>	<b>349.238.227.558</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	126.462.562.645	647.949.910.451	163.766.956.996	-	938.179.430.092
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>122.936.944.225</b>	<b>624.549.828.780</b>	<b>158.504.382.473</b>	<b>-</b>	<b>905.991.155.478</b>

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 905.137.848.925 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 434.026.320 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty CP Gang thép Thái Nguyên	383.317.121.010	383.317.121.010	394.096.245.877	394.096.245.877
Công ty Cổ phần quốc tế Hưng Thái	3.887.676.091	3.887.676.091	4.711.399.545	4.711.399.545
Công ty CP Thép Việt Ý	-	-	17.026.832.075	17.026.832.075
Phải trả các đối tượng khác	11.160.226.015	11.160.226.015	10.344.416.482	10.344.416.482
	<b><u>398.365.023.116</u></b>	<b><u>398.365.023.116</u></b>	<b><u>426.178.893.979</u></b>	<b><u>426.178.893.979</u></b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
	<b><u>383.317.121.010</u></b>	<b><u>383.317.121.010</u></b>	<b><u>394.096.245.877</u></b>	<b><u>394.096.245.877</u></b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>				

**13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a) Chi tiết theo khoản mục</b>		
- Kinh phí công đoàn	36.407.440	-
- Phải trả lãi vay	15.621.180.708	43.344.747.261
+ <i>Lãi vay khoản vay đầu tư dài hạn dự án đến hạn trả</i>	<i>11.017.404.556</i>	<i>33.472.052.250</i>
+ <i>Lãi chậm thanh toán của Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Quỳnh Minh</i>	<i>1.017.531.106</i>	<i>3.017.531.106</i>
+ <i>Lãi chậm thanh toán của Hợp tác xã vận tải Ô tô Tân Phú</i>	<i>3.586.245.046</i>	<i>3.481.645.726</i>
+ <i>Lãi chậm thanh toán của CTCP Quốc tế Hưng Thái</i>	-	<i>1.138.075.812</i>
+ <i>Lãi ứng trước tiền gia công</i>	-	<i>2.235.442.367</i>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	160.562.667	88.851.578
	<b><u>15.818.150.815</u></b>	<b><u>43.433.598.839</u></b>
<b>b) Phải trả khác là các bên liên quan</b>		
	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.235.442.367</u></b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)</i>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.700.930.631	10.859.176.791	8.554.632.569	-	5.005.474.853
Thuế Thu nhập cá nhân	-	-	99.242.357	99.242.357	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	255.409.065	6.317.342	-	249.091.723
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	<b>2.700.930.631</b>	<b>11.216.828.213</b>	<b>8.663.192.268</b>	-	<b>5.254.566.576</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	1.286.200.174	1.269.783.276
- Chi phí phải trả khác	12.788.994	19.604.000
	<b>1.298.989.168</b>	<b>1.289.387.276</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**16 . CÁC KHOẢN VAY**

	01/01/2020		Trong kỳ		30/06/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>214.570.424.390</b>	<b>214.570.424.390</b>	<b>321.739.772.520</b>	<b>330.728.103.471</b>	<b>205.582.093.439</b>	<b>205.582.093.439</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên <sup>(1)</sup>	214.570.424.390	214.570.424.390	321.739.772.520	330.728.103.471	205.582.093.439	205.582.093.439
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>65.000.000.000</b>	<b>65.000.000.000</b>
- Nợ dài hạn đến hạn trả	60.000.000.000	60.000.000.000	35.000.000.000	30.000.000.000	65.000.000.000	65.000.000.000
	<b>274.570.424.390</b>	<b>274.570.424.390</b>	<b>356.739.772.520</b>	<b>360.728.103.471</b>	<b>270.582.093.439</b>	<b>270.582.093.439</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn <sup>(2)</sup>	398.223.287.057	398.223.287.057	-	30.000.000.000	368.223.287.057	368.223.287.057
	<b>398.223.287.057</b>	<b>398.223.287.057</b>	<b>-</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>368.223.287.057</b>	<b>368.223.287.057</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(60.000.000.000)	(60.000.000.000)	-	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>338.223.287.057</b>	<b>338.223.287.057</b>			<b>303.223.287.057</b>	<b>303.223.287.057</b>

**Thông tin chi tiết cho các khoản vay:**

766.446.574.114  
383.223.287.057      435.723.287.057

(1): Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn được thuyết minh tại Phụ lục 01 đính kèm Thuyết minh Báo cáo Tài chính.

(2): Theo Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/04/2017 về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Cán thép Thái Trung thỏa thuận điều chỉnh lịch trả nợ khoản vay dài hạn đầu tư dự án nhà máy 500.000 tấn/năm. Theo cam kết, Công ty được kéo dài thời gian trả nợ tới năm 2025 với yêu cầu trả nợ gốc tăng dần hàng năm từ 2017 đến 2025.

Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả được Thuyết minh tại phụ lục 02 đính kèm Thuyết minh Báo cáo Tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	508.000.001.467	(271.458.231.417)	236.541.770.050
Lãi trong kỳ trước	-	2.681.573.589	2.681.573.589
Số dư cuối kỳ trước	<u>508.000.001.467</u>	<u>(268.776.657.828)</u>	<u>239.223.343.639</u>
Số dư đầu năm nay	508.000.001.467	(256.706.166.417)	251.293.835.050
Lãi trong kỳ này	-	21.498.536.368	21.498.536.368
Số dư cuối kỳ này	<u>508.000.001.467</u>	<u>(235.207.630.049)</u>	<u>272.792.371.418</u>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
	(%)	VND	(%)	VND
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	93,68%	475.876.533.387	93,68%	475.876.533.387
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hà Nam	4,77%	24.208.538.080	4,77%	24.208.538.080
Các cổ đông khác	1,56%	7.914.930.000	1,56%	7.914.930.000
	<u>100%</u>	<u>508.000.001.467</u>	<u>100%</u>	<u>508.000.001.467</u>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp đầu kỳ	508.000.001.467	508.000.001.467
- Vốn góp cuối kỳ	<u>508.000.001.467</u>	<u>508.000.001.467</u>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.800.000	50.800.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.800.000	50.800.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**18 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên tại phường Cam Giá, thành phố Thái Nguyên để sử dụng với mục đích làm cơ sở sản xuất, kinh doanh. Thời hạn thuê đất là 49 năm, từ năm 2008 đến năm 2057. Diện tích khu đất thuê là: 53.133,9 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Tài sản nhận giữ hộ**

	30/06/2020	01-01-20
- Phôi nhận gửi (tấn)	25.414,154	21.116,935
- Thép nhận gửi (tấn)	18.256,460	20.016,127

**c) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2020	01/01/2020
- Đồng đô la Mỹ (USD)	388,29	338,29
- Đồng Euro (EUR)	36,53	42,03

**19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	2.249.400.481.714	1.992.269.314.140
	<b><u>2.249.400.481.714</u></b>	<b><u>1.992.269.314.140</u></b>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 32)	<b><u>2.178.506.433.334</u></b>	<b><u>1.792.585.650.600</u></b>

**20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.193.953.484.707	1.953.561.394.627
	<b><u>2.193.953.484.707</u></b>	<b><u>1.953.561.394.627</u></b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	3.915.876	3.490.354
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	16.140
	<b><u>3.915.876</u></b>	<b><u>3.506.494</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	29.391.504.606	31.547.151.878
Lãi ứng trước tiền gia công, lãi mua hàng trả chậm	104.599.320	272.788.315
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	90.413
Chi phí tài chính khác	2.348	-
	<b><u>29.496.106.274</u></b>	<b><u>31.820.030.606</u></b>

**23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.459.311	4.070.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.912.440	79.354.368
Chi phí khác bằng tiền	27.350.000	85.184.545
	<b><u>144.721.751</u></b>	<b><u>168.609.373</u></b>

**24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	317.683.499	219.331.993
Chi phí nhân công	2.521.134.210	2.112.381.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	549.978.978	236.013.036
Thuế, phí, lệ phí	133.863.204	133.863.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	947.970.239	1.154.512.141
Chi phí khác bằng tiền	1.441.533.912	1.428.847.706
	<b><u>5.912.164.042</u></b>	<b><u>5.284.949.843</u></b>

**25 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập từ bán xỉ bù, vảy cán	1.779.574.860	1.508.648.610
Thu nhập khác	8.414.546	34.492.032
	<b><u>1.787.989.406</u></b>	<b><u>1.543.140.642</u></b>

**26 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí thu gom xỉ bù, vảy cán	187.373.854	167.620.949
Chi phí khác	-	131.782.289
	<b><u>187.373.854</u></b>	<b><u>299.403.238</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.498.536.368	2.681.573.589
Các khoản điều chỉnh tăng	4.964.051.048	14.039.507.645
- Chi phí không hợp lệ	4.964.051.048	14.039.507.645
Các khoản điều chỉnh giảm	(26.462.587.416)	(16.721.081.234)
- Chuyển lỗ các năm trước	(26.462.587.416)	(16.721.081.234)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
<b>Chi phí TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	21.498.536.368	2.681.573.589
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.498.536.368	2.681.573.589
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	50.800.000	50.800.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>423</b>	<b>53</b>

**29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.156.563.986.467	1.952.795.770.650
Chi phí nhân công	17.720.825.656	14.294.802.293
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.269.335.648	25.864.729.199
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.961.935.712	9.225.263.925
Chi phí khác bằng tiền	4.627.952.748	4.485.834.150
<b>Tổng chi phí sản xuất kinh doanh</b>	<b>2.219.144.036.231</b>	<b>2.006.666.400.217</b>

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.117.487.393	-	216.282.876	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	286.645.045.790	(174.280.953)	324.587.575.514	(174.280.953)
	<b>288.762.533.183</b>	<b>(174.280.953)</b>	<b>324.803.858.390</b>	<b>(174.280.953)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			573.805.380.496	612.793.711.447
Phải trả người bán, phải trả khác			414.183.173.931	469.612.492.818
Chi phí phải trả			1.298.989.168	1.289.387.276
			<b>989.287.543.595</b>	<b>1.083.695.591.541</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.117.487.393	-	-	2.117.487.393
Phải thu khách hàng, phải thu khác	286.470.764.837	-	-	286.470.764.837
	<u>288.588.252.230</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>288.588.252.230</u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	216.282.876	-	-	216.282.876
Phải thu khách hàng, phải thu khác	324.413.294.561	-	-	324.413.294.561
	<u>324.629.577.437</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>324.629.577.437</u>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GANG THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>				
Vay và nợ	270.582.093.439	303.223.287.057	-	573.805.380.496
Phải trả người bán, phải trả khác	414.183.173.931	-	-	414.183.173.931
Chi phí phải trả	1.298.989.168	-	-	1.298.989.168
	<u><b>686.064.256.538</b></u>	<u><b>303.223.287.057</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>989.287.543.595</b></u>
<b>Tại ngày 01/01/2020</b>				
Vay và nợ	274.570.424.390	338.223.287.057	-	612.793.711.447
Phải trả người bán, phải trả khác	469.612.492.818	-	-	469.612.492.818
Chi phí phải trả	1.289.387.276	-	-	1.289.387.276
	<u><b>745.472.304.484</b></u>	<u><b>338.223.287.057</b></u>	<u><b>-</b></u>	<u><b>1.083.695.591.541</b></u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**32 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan có giao dịch với Công ty như sau:

Bên liên quan	<u>Mối quan hệ</u>	
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty mẹ	
Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:		
Giao dịch phát sinh trong kỳ:	06 tháng đầu năm 2020 VND	06 tháng đầu năm 2019 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.178.506.433.334</b>	<b>1.792.585.650.600</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	2.178.506.433.334	1.792.585.650.600
<b>Mua hàng</b>	<b>1.990.657.411.927</b>	<b>1.638.096.925.874</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	1.990.657.411.927	1.638.096.925.874
<b>Lãi tiền gia công ứng trước phải trả</b>	<b>-</b>	<b>164.020.044</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	-	164.020.044

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên,  
Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>286.085.537.000</b>	<b>324.089.878.480</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	286.085.537.000	324.089.878.480
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>383.317.121.010</b>	<b>394.096.245.877</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	383.317.121.010	394.096.245.877
<b>Phải trả khác</b>	<b>-</b>	<b>2.235.442.367</b>
Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	-	2.235.442.367

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2020	06 tháng đầu năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	154.392.762	166.227.897
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	279.247.390	293.846.458

**33 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.



**Nguyễn Thị Huệ**  
Người lập



**Nguyễn Thị Minh Châu**  
Kế toán trưởng



**Trần Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 08 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay tại 30/06/2020	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Nguyên</b>							
1	HĐ vay ngắn hạn số 20/2020/2573181/HĐTD	10-04-20	7,5%	5 tháng	2.662.104.346	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
2	HĐ vay ngắn hạn số 21/2020/2573181/HĐTD	14-04-20	7,5%	5 tháng	1.756.812.157	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
3	HĐ vay ngắn hạn số 22/2020/2573181/HĐTD	20-04-20	7,5%	5 tháng	4.875.631.838	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
4	HĐ vay ngắn hạn số 23/2020/2573181/HĐTD	21-04-20	7,3%	5 tháng	4.741.892.697	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
5	HĐ vay ngắn hạn số 24/2020/2573181/HĐTD	23-04-20	7,3%	5 tháng	2.757.823.000	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
6	HĐ vay ngắn hạn số 25/2020/2573181/HĐTD	27-04-20	7,3%	5 tháng	659.081.244	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
7	HĐ vay ngắn hạn số 26/2020/2573181/HĐTD	28-04-20	7,3%	5 tháng	6.761.219.532	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
8	HĐ vay ngắn hạn số 27/2020/2573181/HĐTD	05-05-20	7,3%	5 tháng	2.589.810.000	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
9	HĐ vay ngắn hạn số 28/2020/2573181/HĐTD	07-05-20	7,3%	5 tháng	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
10	HĐ vay ngắn hạn số 29/2020/2573181/HĐTD	12-05-20	7,3%	5 tháng	26.520.236.036	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
11	HĐ vay ngắn hạn số 30/2020/2573181/HĐTD	13-05-20	7,3%	5 tháng	17.753.635.500	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
12	HĐ vay ngắn hạn số 31/2020/2573181/HĐTD	14-05-20	7,3%	5 tháng	2.832.374.562	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
13	HĐ vay ngắn hạn số 32/2020/2573181/HĐTD	19-05-20	7,3%	5 tháng	2.748.517.785	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
14	HĐ vay ngắn hạn số 33/2020/2573181/HĐTD	21-05-20	7,3%	5 tháng	1.800.497.171	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
15	HĐ vay ngắn hạn số 34/2020/2573181/HĐTD	26-05-20	7,3%	5 tháng	1.543.654.629	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
16	HĐ vay ngắn hạn số 35/2020/2573181/HĐTD	28-05-20	7,3%	5 tháng	6.571.897.376	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
17	HĐ vay ngắn hạn số 36/2020/2573181/HĐTD	03-06-20	7,3%	5 tháng	30.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
18	HĐ vay ngắn hạn số 37/2020/2573181/HĐTD	04-06-20	7,3%	5 tháng	33.423.350.950	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
19	HĐ vay ngắn hạn số 38/2020/2573181/HĐTD	15-06-20	7,3%	5 tháng	5.949.390.534	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
20	HĐ vay ngắn hạn số 39/2020/2573181/HĐTD	17-06-20	7,3%	5 tháng	1.425.018.280	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
21	HĐ vay ngắn hạn số 40/2020/2573181/HĐTD	22-06-20	7,3%	5 tháng	3.362.121.007	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**PHỤ LỤC 01 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY NGẮN HẠN***Đơn vị tính: VND*

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Lãi suất (năm)	Thời hạn vay	Số dư nợ gốc vay tại 30/06/2020	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo
22	HĐ vay ngắn hạn số 41/2020/2573181/HĐTD	25-06-20	7,3%	5 tháng	1.306.838.440	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
23	HĐ vay ngắn hạn số 42/2020/2573181/HĐTD	29-06-20	7,3%	5 tháng	8.392.328.563	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
24	HĐ vay ngắn hạn số 43/2020/2573181/HĐTD	30-06-20	7,3%	5 tháng	5.147.857.792	Bổ sung vốn lưu động.	Tín chấp
	<b>Tổng cộng</b>				<b>205.582.093.439</b>		

Tổng hạn mức các hợp đồng tín dụng nêu trên là 220.000.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÁN THÉP THÁI TRUNG**

Phường Cam Giá, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**PHỤ LỤC 2 : THÔNG TIN VỀ CÁC KHOẢN VAY DÀI HẠN**

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng - Số hợp đồng	Mục đích khoản vay	Thời hạn (tháng)	Lãi suất (năm)	Số dư nợ gốc vay tại 30/06/2020	Số dư đến hạn trả trong 12 tháng	Phương thức đảm bảo (*)
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Thái Nguyên</b>				<b>160.434.886.171</b>	<b>28.320.500.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	160.434.886.171	28.320.500.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Tuyên Quang</b>				<b>48.310.895.262</b>	<b>8.528.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	48.310.895.262	8.528.000.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP BIDV - Chi nhánh Đông Đô (HN)</b>				<b>72.503.165.222</b>	<b>12.798.500.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	72.503.165.222	12.798.500.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân Hàng NN&amp;PT Nông thôn CN Thái Nguyên</b>				<b>38.663.445.141</b>	<b>6.825.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	38.663.445.141	6.825.000.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Lưu xá (TN)</b>				<b>24.155.447.631</b>	<b>4.264.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	24.155.447.631	4.264.000.000	Tài sản thế chấp
<b>Ngân hàng TMCP Công thương - CN Thái Nguyên</b>				<b>24.155.447.630</b>	<b>4.264.000.000</b>	
HĐ 01/2009/TT-HĐTD ngày 11/06/2009; Văn bản số 01/2017/2573181/HĐTD ngày 01/4/2017	Đầu tư dự án nhà máy cán thép Thái Trung	192	10,50%	24.155.447.630	4.264.000.000	Tài sản thế chấp
	<b>Tổng cộng</b>			<b>368.223.287.057</b>	<b>65.000.000.000</b>	

(\*): Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.